TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02- 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hà Thị Vinh;
Ông Nguyễn Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1987;
Địa chỉ: ĐKNKTT: Thôn Vực Vại 2, xã P, huyện Y, tỉnh T.
Nơi ở: Thôn Cam Lâm, xã P, huyện Y, tỉnh T.
*–Bị đơn:*Anh La Văn P, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn Vực Vại 2, xã P, huyện Y, tỉnh T.
(Chị L có đơn xin xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị L trình bày: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 28/7/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại thôn Vực Vại 2 xã P. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh P hay uống rượu say, đánh chị, ghen tuông vô cớ, đuổi chị ra khỏi nhà. Năm 2010 thôn đã hòa giải, năm 2011 xã đã hòa giải. Chị đã làm đơn xin ly hôn 01 lần, sau đó lại rút đơn về nhưng mẫu thuẫn không được giải quyết. Chị đã đi làm ăn xa sống ly thân với anh P. Nay chị xác định không còn tình cảm, chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh La Văn P có 02 con chung là cháu La Xuân T, sinh ngày 24/8/2004 và cháu La Thị Đ, sinh ngày 19/5/2006. Khi ly hôn, chị đề nghị để anh P nuôi cả 02 cháu. Chị sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai.

Qúa trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai anh La Văn P trình bày về quen biết, kết hôn như chị L trình bày. Quá trình chung sống anh và chị L hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2009 chị L quan hệ với người đàn ông khác nên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được thôn, xã hòa giải. Anh không chửi, đánh, hay đuổi chị L ra khỏi nhà mà chị L đòi đi làm ăn xa, anh không đồng ý thì chị L tự bỏ đi. Chị L đi làm xa đã nhiều năm, có năm Tết thì về, có năm Tết không về. Chị L xin ly hôn anh còn phải suy nghĩ vì ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu La Xuân T, sinh ngày 24/8/2004 và cháu La Thị Đ sinh ngày 19/5/2006. Trường hợp chị L quyết tâm xin ly hôn thì anh xin nhận nuôi cả 02 con. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh P trình bày không cho chị L tài sản gì.

Vay nợ chung: Anh và chị L không vay nợ chung với ai.

Kết quả xác minh:

Phó Trưởng thôn Vực Vại 2, xã P, ông Hoàng Văn T cho biết: Ông làm cán bộ thôn từ năm 1996. Nhà ông cách nhà anh La Văn P, chị Trần Thị L khoảng 50m. Anh P, chị L làm nhà đến gần nhà ông từ năm 2006. Ông thấy anh P, chị L có mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn ông không rõ vì sao. Năm 2010 Thôn đã hòa giải, anh P, chị L đã đoàn tụ. Vài năm gần đây chị L thường đi làm ăn xa, tết mới về nhà. Cách đây khoảng 05 tháng (xác minh tháng 01/2019) chị L có về do bố chồng chết, sau lễ cúng 49 ngày thì chị L lại đi. Anh P, chị L có 02 con chung. Cháu lớn là cháu trai, sinh năm 2004; cháu bé là cháu gái, sinh năm 2006. Tài sản chung ông biết anh chị có nhà xây cấp 4, còn quyền sử dụng đất và tài sản khác ông không rõ anh chị có như thế nào. Anh P, chị L có vay, nợ của ai hay không ông không rõ.

Cháu La Văn T và cháu La Thị Đ trình bày: Cháu biết bố mẹ cháu có mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Bố cháu hay uống rượu, khi say thì đánh, đuổi mẹ cháu. Mẹ cháu đã làm ăn xa nhiều năm nay, thi thoảng có về thăm cháu, mua đồ dùng vật dụng, đóng tiền học cho cháu. Mỗi khi mẹ cháu về thì bố cháu lại chửi, dọa đánh mẹ cháu, đuổi mẹ cháu ra khỏi nhà. Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở với bố vì mẹ cháu đang bận đi làm ăn xa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh La Văn P; Về con chung: Giao cho anh La Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu La Xuân T, sinh ngày 24/8/2004 và cháu La Thị Đ, sinh ngày 19/5/2006. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung.

Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L, anh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.Tòa án nhận định:

[1]. Chị Trần Thị L, anh La Văn P cùng cư trú tại xã P, huyện Y. Chị L có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh T theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Chị Trần Thị L có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 BLTTDS Toà án xét xử vụ án.

[3]. Hôn nhân của chị Trần Thị L và anh La Văn P trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị L, anh P phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Chị L, anh P đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị L ly hôn anh P.

[4]. Con chung: Chị Trần Thị L và anh La Văn P có 02 con chung là cháu La Xuân T, sinh ngày 24/8/2004 và cháu La Thị Đ, sinh ngày 19/5/2006. Anh P đề nghị nếu ly hôn được nuôi 02 cháu, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Chị L nhất trí để anh P trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Cháu T, cháu Đ trình bày xin ở với bố. Do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu T và cháu Đ cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0001303 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L xin ly hôn anh La Văn P.

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị L ly hôn anh La Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu La Xuân T, sinh ngày 24/8/2004 và cháu La Thị Đ, sinh ngày 19/5/2006 cho anh La Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân, gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001303 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T, chị L đã nộp đủ án phí.

4. Chị Trần Thị L và anh La Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành

CÁCTHÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thắng **Hà Thị Vinh** **Phan Anh Thành**